

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/DS - ST
Ngày: 08 - 6 - 2024
“V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Đào.
2. Bà Trương Thị Kim Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phụng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2023/TLST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-DS ngày 07/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Dương Thanh H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Diệp Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 43/6, đường D, khu phố 4, thị trấn A, quận B, thành phố H.

2. Ông Dương Lạc L (chết).

Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông L:

- 2.1 Ông Dương Tuấn K, sinh năm 1995 (con).

- 2.2 Ông Dương Chí H, sinh năm 2002 (con).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

3. Bà Dương Thị Cẩm H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

4. Bà Dương Thị Liễu Ph, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

5. Bà Dương Thị Ngọc B (chết).

Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của bà B:

5.1 Ông Trần Phúc V, sinh năm 2003.

5.2 Bà Trần Triệu Ngọc V, sinh năm 2007

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

6. Ông Dương Chí C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

(Các đương sự có mặt, ông K, bà V có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị G trình bày:

Bà và ông Dương Văn B là vợ chồng. Ông B chết năm 2021. Bà và ông B chung sống với nhau có tổng cộng 07 người con là Dương Diệp Th, Dương Lạc L (chết, có người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ là ông Dương Tuấn K, ông Dương Chí H), Dương Thanh H, Dương Thị Cẩm H, Dương Thị Liễu Ph, Dương Thị Ngọc B (chết, có người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ là ông Trần Phúc V và bà Trần Triệu Ngọc V), Dương Chí C. Ngoài ra, bà và ông B không có con chung hay con riêng gì.

Vợ chồng ông bà chung sống với nhau có tài sản chung là 8.652m² thuộc các thửa đất số 450, 451, 460, 461, 528, 529, 530, 531, 591, 593, 594, 597, đất tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Trong quá trình sử dụng đất thì vợ chồng ông bà có chuyển nhượng, tặng cho và bị Nhà nước thu hồi đất, diện tích đất còn lại là 9.948m², bao gồm thửa đất số 461, diện tích 377m²; thửa số 450, diện tích 528m²; thửa số 530, diện tích 140m²; thửa số 529, diện tích 90m²; thửa số 591, diện tích 1.437m²; thửa số 593, diện tích 2.386m²; thửa số 594, diện tích 3.879m²; thửa số 451, diện tích 888m²; thửa số 2952, diện tích 223m².

Hiện nay, toàn bộ phần đất này do bà G đang quản lý nhưng con trai bà là ông Dương Thanh H đang giữ toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đồng ý chia di sản thừa kế phần đất của ông Dương Văn B để lại. Nay bà G yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu được nhận ½ diện tích đất trong khối tài sản chung, tương đương 4.974m² đất.

- Yêu cầu chia thừa kế diện tích 4.974m² đất thành 09 phần bằng nhau, bà xin được nhận 02 phần, tương đương 1.105,4m².

- Yêu cầu ông Dương Thanh H trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 711QSDĐ/078-LA do UBND huyện Đ cấp ngày 07/7/1997 cho ông Dương Văn B đứng tên.

Trong quá trình làm việc, bà G xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà chỉ yêu cầu chia thừa số 593, diện tích 2.386m², theo đó, bà xin nhận ½ thừa đất trên, còn lại chia làm 09 phần, bà xin nhận 02 phần. Đồng thời, yêu cầu ông H trả lại cho bà giấy chứng nhận QSDĐ đối với thừa đất trên.

Tại phiên Tòa, bà G thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó, bà xin nhận ½ giá trị của thừa đất số 593, tờ bản đồ số 8, tương đương số tiền 2.000.000.000đồng. Bà đồng ý giao thừa đất này cho ông H toàn quyền đứng tên QSDĐ, quản lý, sử dụng. Ngoài ra, các yêu cầu khác bà xin rút, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Dương Thanh H trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà G về hàng thừa kế, tài sản chung như bà G trình bày. Ông đã được cha ông là ông Dương Văn B tặng cho quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 528, 593, tờ bản đồ số 8, loại đất LUC diện tích 3.511m², đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L theo tờ di chúc lập ngày 28/5/2021 theo giấy chứng thực số 455, quyền số 01/2021-SCT/HĐ.GD được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh L ngày 02/6/2021.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhận tờ di chúc số 455, quyền số 01/2021-SCC/HĐ,GD ngày 02/6/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ là hợp pháp để ông được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 528, 593, tờ bản đồ số 8 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L .

Đối với phần tài sản có diện tích 3.511m², ông yêu cầu được nhận ½ kỷ phần đối với phần tài sản của ông B để lại, tương ứng với phần diện tích đất 1.755,5m², phần diện tích 1.755,5m², còn lại yêu cầu Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Hiện nay, ông Dương Chí C đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 528, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L thì ông đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này của ông C.

Tại phiên Tòa, ông H trình bày, ông cũng xin rút các yêu cầu như sau:

- Công nhận tờ di chúc số 455, quyền số 01/2021-SCC/HĐ,GD ngày 02/6/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ là hợp pháp để ông được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 528, 593, tờ bản đồ số 8 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L .

- Yêu cầu giải quyết đối với thửa đất số 528, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- Yêu cầu nhận ½ kỷ phần đối với phần tài sản của ông B để lại, tương ứng với phần diện tích đất 1.755,5m², còn lại yêu cầu Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 528, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L do ông Dương Chí C đứng tên quyền sử dụng đất.

Hiện nay, ông chỉ yêu cầu giải quyết đối với thửa đất số 593, tờ bản đồ số 8, cụ thể ông xin nhận toàn bộ thửa đất nêu trên. Ông đồng ý trả lại cho bà G số tiền 2.000.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Diệp Th trình bày: Bà xác nhận những lời trình bày của ông H là hoàn toàn đúng. Riêng hai thửa đất số 528, 593, tờ bản đồ số 8 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L là của cha bà là ông B cho riêng hai con trai Dương Lạc L và Dương Thanh H để làm hương quả cúng ông bà. Khi còn sống, ông B có kêu ông H đi tách diện tích đất riêng nhưng ông H chưa kịp tách. Nay bà thống nhất toàn bộ với lời trình bày của ông H. Bà không đồng ý với lời trình bày của bà G, đồng thời bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Liễu Ph trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông H, bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Cẩm H trình bày: Bà là con của bà G và ông B. Bà thống nhất theo lời trình của bà G, bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Phúc V trình bày: Ông là con của bà Dương Thị Ngọc B (đã chết). Ông thống nhất theo lời trình bày của ông Dương Thanh H. Trong vụ án này, ông không yêu cầu gì khác. Đồng thời, ông đại diện cho em ông là Trần Triệu Ngọc V cũng không có ý kiến gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Chí H trình bày: Ông là con của ông Dương Lạc L (đã chết). Ông thống nhất với lời trình bày của ông H. Ông không đồng ý với lời trình bày của bà G. Trong vụ án này, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ngoài ra, ông Dương Tuấn K trình bày ngày 30/6/2023: Ông thống nhất theo lời trình bày của ông H, ông không yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày: Tờ di chúc số 455, quyển số 01/2021-SCC/HĐ,GD ngày 02/6/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ của ông Dương Văn B là hoàn toàn hợp pháp. Nay Ủy ban không có ý kiến gì trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà G và một phần yêu cầu phản tố của ông H, bà G và ông H đã rút phần yêu cầu này nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Đối với thửa đất số 593, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L: Bà G và ông H thống nhất giao cho ông H, ông H có trách nhiệm trả cho bà G số tiền 2.000.000.000 đồng. Các đương sự khác cũng thống nhất theo ý kiến của bà G, ông H. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, pháp luật nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại các thửa số 450, 451, 460, 461, 528, 529, 530, 531, 591, 593, 594, 597, đất tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L đối với ông Dương Thanh H, ông H cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Tuấn K, bà Trần Triệu Ngọc V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về xác định những tình tiết, sự kiện không pH chứng minh trong vụ án theo quy định tại Điều 92 BLTTDS

Ông B và bà G có 07 người con 07 người con là Dương Diệp Th, Dương Lạc L, Dương Thanh H, Dương Thị Cẩm H, Dương Thị Liễu Ph, Dương Thị B Ngọc, Dương Chí C. Ông bà chung sống với nhau có rất nhiều thửa đất nhưng trong đó có tranh chấp thửa đất số 528, 593, tờ bản đồ số 8 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Thửa đất 528 do ông C đang quản lý. Thửa đất số 593 do ông H đang quản lý, sử dụng.

[3.2] Xét nội dung:

[3.2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà G:

[3.2.1.1] Bà G yêu cầu chia các thửa đất số 461, diện tích 377m²; thửa số 450, diện tích 528m²; thửa số 530, diện tích 140m²; thửa số 529, diện tích 90m²; thửa số 591, diện tích 1.437m²; thửa số 593, diện tích 2.386m²; thửa số 594, diện tích 3.879m²; thửa số 451, diện tích 888m²; thửa số 2952, diện tích 223m², cụ thể bà được nhận ½, còn lại ½ bà xin yêu cầu chia thành 09 phần, trong đó bà nhận 02 phần. Yêu cầu ông Dương Thanh H trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 711QSĐĐ/078-LA do UBND huyện Đ cấp ngày 07/7/1997

cho ông Dương Văn B đứng tên. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc cũng như tại phiên Tòa, bà xin rút một phần yêu cầu, cụ thể không yêu cầu chia thừa kế các thửa đất trên, bà chỉ giữ lại một yêu cầu chia đôi với thửa đất 593, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ. Xét việc rút một phần yêu cầu của bà G là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, xã hội, pháp luật nên HĐXX ghi nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà G.

[3.2.1.2] Đối với thửa đất số 593, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L: Cả bà G, ông H cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất giao thửa đất 593 cho ông H quản lý, sử dụng. Ông H có trách nhiệm trả lại cho bà G số tiền 2.000.000.000đồng. Các đương sự còn lại thống nhất theo lời trình bày của bà G và ông H. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, xã hội nên HĐXX ghi nhận.

[3.2.2] Đối với yêu cầu phản tố của H: Công nhận tờ di chúc số 455, quyền số 01/2021-SCC/HĐ,GD ngày 02/6/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ là hợp pháp để ông được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 528, 593, tờ bản đồ số 8 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L; Yêu cầu chia thửa đất 528, tờ bản đồ số 8; Yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ kỷ phần đối với phần tài sản của ông B để lại, tương ứng với phần diện tích đất 1.755,5m², còn lại yêu cầu Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 528, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L do ông Dương Chí C đứng tên quyền sử dụng đất. Xét việc rút đơn của ông H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, xã hội, pháp luật nên HĐXX ghi nhận, đình chỉ yêu cầu này.

[4] Từ những nhận định như trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng:

[5.1] Đối với thửa đất 593, 450, 461, cùng tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L: Tổng chi phí là 87.500.000đồng (Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đồng; Mảnh trích đo là 60.000.000đồng; Chi phí định giá là 24.500.000đồng). Bà G đã nộp và chi phí xong.

Bà G và ông H mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ chi phí, cụ thể buộc ông H có trách nhiệm trả lại cho bà G số tiền 43.750.000đồng.

[5.2] Đối với thửa đất 528, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L: Tổng chi phí là 50.000.000đồng (Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đồng; Mảnh trích đo là 39.000.000đồng; Chi phí định giá là 8.000.000đồng). Ông H đã nộp và chi phí xong.

[6] Về án phí:

[6.1] Bà G là người cao tuổi (người từ đủ 60 tuổi trở lên theo Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009), do đó căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà

G được miễn nộp tạm ứng án phí. Bà G không nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả cho bà G.

[6.2] Ông H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cụ thể: 36.000.000đồng + 3% (2.000.000.000đồng – 800.000.000đồng) = 72.000.000đồng nhưng ông H được khấu trừ tạm ứng án đã nộp ngày 16/10/2023, cụ thể là 3.100.000đồng. Ông H còn pH nộp 68.900.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, Điều 39, Điều 86, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 612, 656, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị G về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Dương Thanh H:

Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của bà G về:

- Yêu cầu chia các thửa đất số 450, 451, 460, 461, 528, 529, 530, 531, 591, 594, 597, cùng tờ bản đồ số 8, đất tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- Yêu cầu ông Dương Thanh H trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ 711QSDĐ/078-LA do UBND huyện Đ cấp ngày 07/7/1997 cho ông Dương Văn B đứng tên.

Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Dương Thanh H về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất” đối với nguyên đơn bà Phạm Thị G:

- Đình chỉ yêu cầu công nhận tờ di chúc số 455, quyển số 01/2021-SCC/HĐ,GD ngày 02/6/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ là hợp pháp để ông được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 528, 593, tờ bản đồ số 8 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- Đình chỉ yêu cầu chia thửa đất số 528, tờ bản đồ số 8 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L ông Dương Chí C đang đứng tên quyền sử dụng đất.

- Đình chỉ yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ kỷ phần đối với phần tài sản của ông B để lại, tương ứng với phần diện tích đất 1.755,5m², còn lại yêu cầu Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 528, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L do ông Dương Chí C đứng tên quyền sử dụng đất.

Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị G với ông Dương Thanh H: Ông Dương Thanh H được toàn quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất 593, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- Buộc ông Dương Thanh H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị G số tiền 2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ pH chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Ông Dương Thanh H được quyền liên hệ với Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với phần đất thuộc thửa đất số 593 (thửa mới 658), tờ bản đồ số 8 (tờ bản đồ mới số 16), đất tại xã Đ, vị trí tứ cận theo Mảnh trích đo địa chính số 519-2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 29/8/2023.

4. Về chi phí tố tụng: Bà G, ông H đã nộp xong chi phí giám định và chi xong.

Buộc ông H có trách nhiệm trả lại cho bà G số tiền 43.750.000đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm năm chục ngàn đồng chẵn).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ pH chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Thanh H pH chịu 72.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ nhà nước nhưng được khấu trừ 3.100.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0006156, 0006158, 0006157 cùng ngày 16/10/2023, ông H còn pH nộp 68.900.000đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Cương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rạt – Lê Thị Xuân Đào

Lê Thị Tho

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho